

Số: 8250/QĐ-UBND

Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt Đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
Phân khu số 3, thành phố Thủ Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc
hội Khóa XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố
Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính
phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính
phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày
07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và
Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định
chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính
phủ về việc quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính
phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 -
2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đồ án quy hoạch chung thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng về Ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Công văn số 3767/UBND-ĐT ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện 09 hồ sơ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn thành phố Thủ Đức;

Căn cứ Thông báo số 538/TB-VP ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Bùi Xuân Cường tại cuộc họp nghe báo cáo về tiến độ thực hiện 09 hồ sơ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn thành phố Thủ Đức;

Căn cứ Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Thủ Đức về sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác thực hiện đồ án quy hoạch chung thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 5364/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu số 3, thành phố Thủ Đức;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Thủ Đức tại Tờ trình số 1453/TTr-QLDA-QHMT ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Tờ trình 1603/TTr-QLDA-QHMT ngày 12 tháng 6 năm 2025 về trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 3, thành phố Thủ Đức;

Theo đề nghị của Phòng Quy hoạch - Đất đai tại Tờ trình số 1029/TTr-QHĐĐ ngày 14 tháng 6 năm 2025 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 3, thành phố Thủ Đức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 3, thành phố Thủ Đức, thuộc Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 3, thành phố Thủ Đức.

2. Phạm vi ranh giới và diện tích lập quy hoạch:

- Phạm vi khu vực lập quy hoạch thuộc các phường Linh Tây, Linh Chiểu, Bình Thọ, Linh Trung, Bình Chiểu, Linh Xuân và một phần các phường Tam Bình, Tam Phú, Linh Đông, Trường Thọ, Hiệp Bình Phước.

Ranh giới khu vực lập quy hoạch:

+ Phía Đông: giáp khu Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Phía Tây: giáp tỉnh Bình Dương, sông Sài Gòn.

+ Phía Nam: giáp đường Vành đai 2, Đỗ Mười, Võ Nguyên Giáp.

+ Phía Bắc: giáp tỉnh Bình Dương.

- Diện tích khu vực lập quy hoạch: khoảng 2.468,88ha (không bao gồm Khu Công nghiệp Bình Chiểu, một phần Khu chế xuất Linh Trung 1, Khu chế xuất Linh Trung 2 và một phần khu Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Mục tiêu, tính chất khu vực lập quy hoạch:

3.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Đồ án quy hoạch chung thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040 và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xác định rõ chức năng sử dụng đất, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, góp phần tối ưu hóa hiệu quả quản lý đất đai, sử dụng hợp lý tài nguyên, phục vụ mục tiêu phát triển đô thị bền vững, đồng bộ và hiệu quả.

- Tạo cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác quản lý phát triển đô thị theo quy định; lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, triển khai các dự án đầu tư xây dựng phù hợp với định hướng phát triển không gian đô thị.

- Tạo cơ sở pháp lý quan trọng về quy hoạch đô thị, làm căn cứ để thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư; phục vụ công tác kêu gọi, thu hút đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

3.2. Tính chất:

Tính chất khu vực lập quy hoạch: là khu vực nghiên cứu được xác định là khu đô thị đô thị hiện hữu gắn với đào tạo và trung tâm sản xuất, dịch vụ trung chuyển.

4. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch cơ bản về dân số, sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Quy mô dân số: khoảng 440.000 người.

4.2. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch cơ bản dự kiến về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

Stt	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đồ án
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu quy hoạch	m ² /người	56,1
B	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong đơn vị ở	m ² /người	37,3
	Đất các nhóm nhà ở	m ² /người	24,7
	- Đất nhóm nhà ở hiện trạng	m ² /người	33,0
	- Đất nhóm nhà ở quy hoạch	m ² /người	14,1
	- Đất nhà ở trong đất hỗn hợp	m ² /người	11,2
	Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	m ² /người	5,0
	- Đất giáo dục		
	+ Đất trường mầm non	m ² /cháu	14,5
	+ Đất trường tiểu học	m ² /hs	12,0
	+ Đất trường trung học cơ sở	m ² /hs	12,7
	- Đất y tế	m ² /người	0,06
	- Đất văn hóa	m ² /người	0,13
	- Đất thể dục thể thao	m ² /người	0,26
	- Đất dịch vụ	m ² /người	0,16
	Đất cơ quan, trụ sở	m ² /người	0,2
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /người	2,2
	Đất đường giao thông cấp phân khu vực	m ² /người	6,5
		Km/km ²	12,5
C	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị		
	Đất giao thông bố trí đến mạng lưới đường phân khu vực (từ đường phân khu vực trở lên), kể cả giao thông tĩnh	%	25,33%
	Tiêu chuẩn cấp nước	Lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn thoát nước thải	Lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn cấp điện	KWh/người.năm	≥ 2100

	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	Kg/người/ngày	1,3
D	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu		
	Hệ số sử dụng đất tối đa	lần	12,8
	Mật độ xây dựng	%	Tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan
	Tầng cao xây dựng và chiều cao xây dựng	(tầng) và (m)	Tầng cao xây dựng: tối thiểu 01 tầng và tối đa 50 tầng. Chiều cao xây dựng: tối đa 200m.

5. Về cơ cấu sử dụng đất dự kiến toàn khu vực quy hoạch:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	KHU ĐÔ THỊ	24.688.773	100,0
I	Đất đơn vị ở	16.407.158	66,5
1	Đất nhóm nhà ở	10.877.311	44,1
-	Đất ở hiện trạng	8.880.936	36,0
-	Đất ở mới	1.181.795	4,8
-	Đất ở hỗn hợp	814.580	3,3
2	Đất giáo dục	970.321	3,9
-	Đất trường mầm non	318.141	1,3
-	Đất trường tiểu học	344.580	1,4
-	Đất trường THCS	307.600	1,2
3	Đất y tế	28.455	0,1
4	Đất văn hóa	58.985	0,2
5	Đất cây xanh	948.394	3,8
6	Đất thể dục thể thao	116.036	0,5
7	Dịch vụ đơn vị ở	70.719	0,3
8	Đất bãi xe	461.032	1,9
9	Đất đường giao thông cấp đơn vị ở	2.875.906	11,6
II	Đất ngoài đơn vị ở	8.281.615	33,5
1	Đất cơ quan	91.695	0,4
2	Đất dịch vụ - công cộng (cấp đô thị)	506.372	2,1
-	Trường THPT	186.652	0,8
-	Bệnh viện và trung tâm y tế đô thị	140.391	0,6

-	<i>Đất công cộng đô thị khác</i>	179.329	0,7
3	Thương mại dịch vụ	146.501	0,6
4	Cây xanh đô thị	302.264	1,2
5	Đất đào tạo, nghiên cứu	1.091.630	4,4
6	Đất di tích, tôn giáo	466.579	1,9
7	Đất an ninh	315.009	1,3
8	Đất quốc phòng	74.316	0,3
9	Hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường	1.074.204	4,4
-	<i>Đất nghĩa trang</i>	133.412	0,5
-	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	625.511	2,5
-	<i>Cây xanh cách ly hạ tầng kỹ thuật</i>	36.241	0,1
-	<i>Đất sông, suối, kênh, rạch</i>	279.040	1,1
10	Công nghiệp, dịch vụ logistic	825.393	3,3
11	Đất giao thông đối ngoại	3.387.651	13,7
B	KHU CHỨC NĂNG	2.700.808	
1	Khu chế xuất Linh Trung 1	620.000	
2	Khu chế xuất Linh Trung 2	602.500	
3	Khu Đại học Quốc gia HCM	1.220.554	
4	Khu công nghiệp Bình Chiểu	257.754	
	TỔNG	27.389.581	

6. Tổ chức không gian, các giải pháp thiết kế đô thị:

6.1. Tổ chức không gian tổng thể:

- Kế thừa có chọn lọc và phù hợp các nội dung của các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống quy hoạch theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Tăng cường khai thác và phát huy giá trị cảnh quan dọc theo sông Sài Gòn và các tuyến không gian mở ven mặt nước, thông qua việc tổ chức hệ thống công viên công cộng, tuyến đi bộ, không gian sinh hoạt cộng đồng và dịch vụ đô thị, gắn kết với các khu trung tâm đô thị. Định hướng xây dựng các trung tâm đô thị có bản sắc riêng, có sức hấp dẫn, đồng thời là không gian hội tụ các hoạt động giao lưu cộng đồng ven sông, góp phần định vị hình ảnh đặc trưng cho đô thị ven sông.

- Phát triển các khu đô thị hỗn hợp đa chức năng với hệ số sử dụng đất cao, tập trung dọc các trục giao thông chiến lược như: vành đai 2, Quốc lộ 13, đường Phạm Văn Đồng, đường Đỗ Mười, đường Võ Nguyên Giáp và các tuyến metro. Các khu vực này được ưu tiên phát triển theo mô hình đô thị nén kết hợp giao thông công cộng (TOD), hình thành các khu đô thị hiện đại, đa chức năng, thân thiện với người đi bộ và giao thông công cộng.

- Thực hiện nâng cấp, chỉnh trang các khu trung tâm đô thị hiện hữu, khuyến khích tái thiết và cải tạo các khu dân cư hiện có, kết hợp bổ sung hệ thống hạ tầng

kỹ thuật và hạ tầng xã hội, từng bước cải thiện điều kiện sống và cảnh quan đô thị. Đồng thời, tăng cường kết nối không gian, kết nối giao thông và hạ tầng kỹ thuật giữa khu hiện hữu với các khu phát triển mới trong khu vực, đảm bảo tính đồng bộ và liên kết tổng thể.

6.2. Các giải pháp thiết kế đô thị:

a) Tổ chức không gian và định hướng thiết kế cảnh quan các khu vực trung tâm đô thị:

- Các khu vực trung tâm đô thị được xác định tại các vị trí chiến lược, gồm: tiếp giáp các ga giao thông công cộng quy mô lớn (Metro); liền kề các khu cây xanh, công viên công cộng; dọc theo các trục giao thông huyết mạch. Đặc biệt, tại các khu vực phát triển đô thị mới, cần hình thành các trung tâm đô thị năng động, có khả năng kết nối và lan tỏa không gian đô thị hiệu quả, đóng vai trò là hạt nhân phát triển theo mô hình đô thị nén. Các vị trí trọng điểm bao gồm:

+ Khu vực dọc sông Sài Gòn thuộc phường Hiệp Bình Phước: định hướng phát triển khu đô thị cảnh quan sông nước, kết hợp không gian mở, dịch vụ, nhà ở và hoạt động cộng đồng ven sông.

+ Khu vực dọc các trục Phạm Văn Đồng, Quốc lộ 13, Vành đai 2, Võ Nguyên Giáp, Đỗ Mười: phát triển các khu đô thị theo mô hình TOD xung quanh các nhà ga metro, tổ chức không gian theo hướng tập trung, hỗ trợ tối đa giao thông công cộng và giảm phụ thuộc vào phương tiện cá nhân.

- Đối với các khu dân cư đô thị mới: định hướng phát triển theo hình thái kiến trúc hiện đại, phù hợp và hài hòa với kiến trúc khu vực lân cận; quản lý chặt chẽ tầng cao, mật độ xây dựng và màu sắc công trình, đảm bảo đồng bộ về hình ảnh đô thị và phù hợp với tổng thể không gian chung.

- Đối với khu vực đô thị hiện hữu, định hướng: tái thiết, nâng cấp và chỉnh trang, tăng hệ số sử dụng đất, tăng tỷ lệ không gian mở công cộng và đồng thời chú trọng kết nối đồng bộ với các khu dân cư, đô thị hiện hữu lân cận nhằm đảm bảo tính liên thông và phát triển hài hòa.

- Tổ chức các quảng trường công cộng kết hợp công viên cây xanh bóng mát, phục vụ nhu cầu giao lưu cộng đồng, sinh hoạt văn hóa – thể thao ngoài trời của cư dân đô thị.

- Khuyến khích bố trí các công trình hoặc cụm công trình điểm nhấn trong các khu vực trung tâm đô thị, quanh các ga metro và các nút giao thông chính, nhằm tạo dựng không gian kiến trúc – cảnh quan đặc trưng và hiện đại cho đô thị.

b) Cảnh quan dọc các trục đường chính:

- Không gian đô thị dọc theo các trục cảnh quan chính được tổ chức sinh động và đa dạng về hình khối kiến trúc, chức năng sử dụng và thiết kế đô thị, nhưng vẫn đảm bảo giữ gìn bản sắc và đặc trưng riêng biệt của từng tuyến trục.

- Tại các trục giao thông chính như đường Võ Nguyên Giáp, Vành đai 2, Đỗ Mười, Quốc lộ 13, Phạm Văn Đồng..., định hướng xây dựng các tuyến cây

xanh kết hợp vỉa hè đi bộ, đảm bảo mỹ quan và thuận tiện cho người dân. Cần quy định cụ thể loại cây, khoảng cách trồng cây và thiết kế hệ thống chiếu sáng, mặt lát phù hợp.

- Đề xuất chỉnh trang mặt tiền các công trình hiện hữu, nâng cao tính thẩm mỹ và đồng bộ của khu vực. Đồng thời khuyến nghị bảng màu và vật liệu xây dựng chủ đạo cho các công trình sửa chữa, cải tạo hoặc xây mới nhằm đảm bảo tính thống nhất cảnh quan đô thị.

- Khuyến khích trồng nhiều cây xanh đảm bảo độ che mát cho các tuyến đi bộ. Lựa chọn cây trồng cần phù hợp với dạng thức kiến trúc, chức năng sử dụng của tuyến phố, đảm bảo an toàn, dễ bảo trì, không gây ô nhiễm hoặc thu hút côn trùng độc hại.

- Các công trình cao tầng, công trình hỗn hợp dọc theo các trục chính cần được kiểm soát hình thái kiến trúc để hài hòa với cảnh quan chung, phát huy hiệu quả sử dụng đất mà không phá vỡ cấu trúc không gian.

- Tổ chức các khu công viên cây xanh dọc theo hệ thống sông rạch, đặc biệt là các tuyến kênh Ba Bò, rạch Thủ Đức, rạch Lùng,... tạo thành hành lang xanh và tuyến không gian mở chính kết nối các khu chức năng trong khu vực.

- Các tuyến sông, rạch không chỉ là yếu tố tự nhiên mà còn đóng vai trò là tuyến cảnh quan – giao thông – giao lưu cộng đồng, cần được bảo tồn, khai thác và tích hợp với các tiện ích đô thị.

- Khai thác lợi thế mặt nước để phát triển dịch vụ, tổ chức không gian công cộng như bến thủy nội địa, bến du thuyền, tuyến tàu du lịch nhằm hỗ trợ phát triển giao thông công cộng đường thủy, dịch vụ du lịch, giải trí, góp phần đa dạng hóa trải nghiệm sống đô thị.

- Khuyến khích bổ sung các chức năng dịch vụ đô thị ven sông như quán cà phê, nhà hàng, trung tâm sinh hoạt cộng đồng, vườn sinh thái..., tăng cường khả năng tiếp cận và sử dụng của người dân đối với không gian công cộng ven mặt nước.

c) Các khu vực không gian mở:

- Hệ thống không gian mở bao gồm: các khu vực hoặc dải công viên, quảng trường gắn với hệ thống mặt nước tự nhiên; các không gian cây xanh công cộng, vườn hoa bố trí trong khu dân cư. Các không gian này cần được nghiên cứu thiết kế chi tiết theo hướng trở thành không gian giao lưu cộng đồng, phục vụ các hoạt động sinh hoạt, văn hóa, thể thao của cư dân đô thị.

- Tổ chức mạng lưới công viên, vườn hoa, sân chơi công cộng phân bố hợp lý trong các khu dân cư, kết hợp với hệ thống tuyến đi bộ, đường xe đạp, nhằm hình thành hệ thống không gian xanh mở liên hoàn, đa dạng, đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí, vận động thể chất và nâng cao chất lượng sống cho người dân.

- Ưu tiên bảo tồn, cải tạo và duy trì các công viên, vườn hoa, sân chơi nhỏ hiện hữu trong khu vực đô thị cũ, nhằm duy trì quỹ đất cây xanh công cộng, cải

thiện vi khí hậu và tạo không gian sinh hoạt cộng đồng thân thiện, gần gũi cho cư dân.

- Các công trình kiến trúc tiếp giáp không gian mở như công viên, quảng trường, tuyến cây xanh công cộng cần được thiết kế hình khối sinh động, thẩm mỹ cao, mang tính biểu tượng, góp phần định hình hình ảnh đô thị hiện đại và bản sắc địa phương.

- Tại các vị trí có giá trị cảnh quan như ngã ba, ngã tư, các nút giao thông chính và khu vực chức năng đô thị trọng điểm, khuyến khích thiết kế công trình có hình khối kiến trúc độc đáo, quy mô phù hợp với vị trí, đồng thời đảm bảo tính hài hòa với không gian công cộng liền kề.

- Khuyến khích bố trí khoảng lùi công trình lớn hơn mức tối thiểu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, nhằm tăng diện tích không gian công cộng, tạo tầm nhìn thoáng và không gian sinh hoạt chung chất lượng cao.

d) Các công trình điểm nhấn:

- Hệ thống điểm nhấn trong đô thị được xác định dựa trên nguyên tắc lựa chọn các vị trí có giá trị cảnh quan đặc sắc, có khả năng đón các tầm nhìn và hướng nhìn chính trong không gian đô thị, góp phần định hình bản sắc và tăng cường trải nghiệm thị giác cho người dân.

- Các vị trí ưu tiên bố trí công trình điểm nhấn bao gồm: xung quanh các nhà ga và đầu mối giao thông công cộng; các cửa ngõ ra vào khu vực Phân khu số 3, đặc biệt là các giao lộ lớn, trục đường huyết mạch.

- Tại các khu vực định hướng bố trí công trình điểm nhấn cao tầng, yêu cầu công trình phải được tổ chức với khoảng lùi hợp lý, đảm bảo tầm nhìn thông thoáng từ các trục giao thông chính và các không gian công cộng xung quanh, đồng thời tạo hiệu ứng hút thị giác trong tổng thể không gian kiến trúc.

- Hình thức điểm nhấn có thể bao gồm: công trình kiến trúc quy mô lớn, mang tính biểu tượng, đại diện cho hình ảnh một đô thị hiện đại, thịnh vượng và hội nhập; công trình văn hóa, công trình công cộng chuyên ngành, có giá trị tinh thần cao, thể hiện bản sắc đặc trưng của khu vực và đóng vai trò kết nối cộng đồng.

- Việc xác lập hệ thống điểm nhấn không chỉ tạo nên trục nhìn và điểm dừng thị giác hợp lý, mà còn góp phần tạo dựng hình ảnh đô thị đặc trưng, nhận diện rõ nét cho từng khu vực trong toàn bộ không gian đô thị.

đ) Khu vực các ô phố:

- Định hướng phát triển không gian và thiết kế đô thị tại các ô phố được xác lập trên cơ sở tuân thủ định hướng phát triển không gian tổng thể của toàn khu vực quy hoạch, đảm bảo sự đồng bộ về cấu trúc đô thị và tính kết nối trong tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.

- Việc tổ chức không gian tại các ô phố cần hướng đến:

+ Hình thành các khu trung tâm đô thị hiện đại, năng động, có khả năng lan tỏa và kết nối các khu chức năng khác trong đô thị.

+ Phát triển các tuyến trục chính đô thị, đóng vai trò là xương sống của không gian công cộng và hệ thống giao thông đô thị.

+ Tổ chức các khu vực đặc biệt về kiến trúc và cảnh quan, tại các vị trí có giá trị thị giác đặc biệt hoặc giao điểm các trục giao thông quan trọng.

+ Phát triển các khu đô thị mới với không gian mở, hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ, hiện đại.

+ Cải tạo và nâng cấp các khu đô thị hiện hữu, đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, nâng cao chất lượng không gian sống và cảnh quan kiến trúc đô thị.

+ Đồng thời, cần bố trí hợp lý hệ thống công trình công cộng như trường học, y tế, văn hóa, thể thao... trong mỗi ô phố, bảo đảm phục vụ đầy đủ nhu cầu dân cư tại chỗ và tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn ngành và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Tổng thể định hướng phát triển các ô phố cần góp phần hình thành một không gian đô thị hiện đại, đồng bộ, giàu bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tạo lập môi trường sống chất lượng cao cho người dân.

e) Quy định về hệ số sử dụng đất, chiều cao, mật độ xây dựng và khoảng lùi công trình:

- Việc quản lý hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng và khoảng lùi công trình trong khu vực được thực hiện theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch được duyệt.

- Khuyến khích các công trình xây dựng có mật độ thấp hơn mức tối đa cho phép, nhằm gia tăng diện tích không gian mở, cải thiện vi khí hậu và nâng cao chất lượng môi trường sống.

- Đối với các công trình kiến trúc điểm nhấn, khuyến khích bố trí khoảng lùi lớn hơn mức tối thiểu quy định, nhằm tạo độ thoáng không gian, tăng giá trị cảnh quan và đảm bảo tầm nhìn thông suốt trên các trục giao thông chính.

- Chiều cao xây dựng công trình sẽ được xác định cụ thể tại các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc trong giai đoạn cấp phép xây dựng, căn cứ vào chức năng, vị trí và vai trò của công trình trong tổng thể không gian đô thị.

- Khuyến khích áp dụng mô hình nâng tầng cao xây dựng kết hợp với giảm mật độ xây dựng, nhằm tạo thêm không gian mở, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng cường thông gió tự nhiên và cải thiện vi khí hậu đô thị.

- Các chỉ tiêu quy hoạch chi tiết của từng ô phố được xác định cụ thể tại Quy định quản lý ban hành kèm theo đồ án quy hoạch phân khu, là cơ sở pháp lý cho việc quản lý đầu tư xây dựng trong khu vực.

g) Mái che đi bộ:

- Nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đi bộ, định hướng tổ chức không gian đô thị theo hướng phát triển hệ thống đường đi bộ có mái che, đặc biệt tại các tuyến phố thương mại, khu vực công cộng đông người và các trục kết nối nhà ga, bến xe, trường học.

- Khuyến khích xây dựng mái che vỉa hè hoặc tổ chức lối đi bộ có mái che trong phạm vi khoảng lùi công trình. Việc thiết kế cần đảm bảo: không lấn chiếm không gian vỉa hè trái quy định; không gây cản trở hoặc mất an toàn cho người đi bộ; phù hợp về hình thức kiến trúc và vật liệu sử dụng, hài hòa với tổng thể cảnh quan đô thị.

- Việc sử dụng không gian vỉa hè và phần mở rộng vỉa hè (không gian công cộng liền kề) phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hạ tầng kỹ thuật; quy định về quản lý và sử dụng vỉa hè do chính quyền địa phương ban hành; các điều kiện bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị.

- Khuyến khích các giải pháp thiết kế vỉa hè thân thiện với người đi bộ, người già và người khuyết tật, kết hợp bố trí cây xanh, ghế nghỉ, chiếu sáng, lối dốc phù hợp..., tạo lập môi trường giao thông đô thị văn minh – tiện nghi – an toàn.

7. Về xác định các khu xây dựng công trình ngầm:

- Khuyến khích xây dựng tầng hầm tại các khu vực quy hoạch hỗn hợp và khu vực phát triển theo mô hình TOD, nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng đất, bổ sung không gian đậu xe, kỹ thuật và dịch vụ đô thị. Đồng thời, định hướng kết nối công trình ngầm giữa các công trình với nhau và liên thông trực tiếp với các nhà ga đường sắt đô thị, góp phần hình thành mạng lưới giao thông ngầm hiện đại, tiện lợi. Phối hợp với các đơn vị chuyên ngành xây dựng các công trình đầu mối kỹ thuật ngầm đảm bảo an toàn, cung cấp các dịch vụ thiết yếu và tối ưu hóa không gian ngầm đô thị.

- Đối với các khu nhà ở hiện hữu, khi thực hiện cải tạo hoặc xây dựng mới, khuyến khích bố trí tầng hầm hoặc bán hầm phục vụ nhu cầu đậu xe, hạ tầng kỹ thuật và không gian phụ trợ, nhằm giảm áp lực cho không gian trên mặt đất và nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị.

- Phạm vi xây dựng, mật độ xây dựng, số tầng công trình ngầm và các chỉ tiêu kỹ thuật cụ thể sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và trong giai đoạn cấp phép xây dựng, phù hợp với điều kiện địa chất, thủy văn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình ngầm đô thị.

- Việc tổ chức và khai thác không gian ngầm cần đảm bảo an toàn kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy, khả năng thoát hiểm, thoát nước và thông gió tự nhiên, đồng thời kết hợp hài hòa với không gian cảnh quan và giao thông bề mặt.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường:

8.1. Quy hoạch giao thông đô thị:

a) Giao thông đối ngoại:

Tập trung nâng cấp, mở rộng các trục giao thông huyết mạch, đóng vai trò là cửa ngõ của thành phố, cụ thể:

- Trục Võ Nguyên Giáp - Xa lộ Hà Nội: đoạn tuyến qua khu vực quy hoạch có mặt cắt ngang rộng 113,5m. Tuyến đường này được định hướng trở thành trục giao thông đa phương thức, kết hợp giao thông cá nhân và công cộng, tạo động lực phát triển đô thị dọc hành lang sau khi mạng lưới đường vành đai được khép kín và các cảng cạn được di dời.

- Đường Đỗ Mười (Quốc lộ 1): nâng cấp lên quy mô 10 làn xe với mặt cắt ngang rộng 120m, trong đó có 4 làn xe trên cao để tăng cường khả năng thông hành.

- Đường Hoàng Cầm (Quốc lộ 1K): mở rộng lên 8 làn xe, mặt cắt ngang 60m, bao gồm 4 làn xe trên cao.

- Quốc lộ 13: Nâng cấp lên 10 làn xe, mặt cắt ngang 60m, bố trí 4 làn xe trên cao.

- Đường Vành đai 2: hoàn thiện với mặt cắt ngang 67m, xây dựng đường song hành hai bên nhằm tách biệt và giảm xung đột giữa luồng giao thông hàng hóa và giao thông cá nhân.

- Các trục chính khác: nâng cấp đồng bộ các tuyến đường quan trọng gồm Phạm Văn Đồng, Bình Chiểu, và ĐT 43 lên quy mô mặt cắt ngang 60m.

- Dự kiến bố trí mô hình giao cắt khác mức đối với các tuyến trục chính (đường Võ Nguyên Giáp, Đỗ Mười, Hoàng Cầm, Quốc lộ 13, Vành đai 2, Phạm Văn Đồng, Bình Chiểu, ĐT 43) nhằm kết nối thuận tiện đến các khu chức năng khác của đô thị.

b) Giao thông đối nội:

- Cải tạo và xây dựng mới các tuyến đường cấp đô thị, hình thành một mạng lưới đường hoàn chỉnh nhằm tăng cường khả năng lưu thông và giảm tải cho các trục huyết mạch.

- Xây dựng mạng lưới đường đô thị hoàn chỉnh giúp tăng cường khả năng lưu thông và giảm tải cho các trục đường chính đô thị.

- Thiết kế và nâng cấp mặt cắt ngang các tuyến đường theo hướng ưu tiên và khuyến khích người đi bộ và xe đạp.

c) Giao thông tĩnh và bến bãi:

- Quy hoạch hệ thống bãi đỗ xe và bến bãi một cách khoa học, ưu tiên bố trí tại các khu chức năng có mật độ xây dựng cao, gần các trung tâm thương mại, nhà ga đường sắt, và bến xe buýt (trong bán kính phục vụ khoảng 500m) để tạo sự thuận tiện cho việc kết nối đa phương thức.

- Khu vực hiện hữu: ưu tiên phát triển mô hình bãi đỗ xe cao tầng hoặc ngầm để tiết kiệm quỹ đất.

- Khu vực phát triển mới: kết hợp linh hoạt giữa các loại hình bãi đỗ xe ngầm, cao tầng và trên mặt bằng.

- Cho phép điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bãi đỗ xe trong quá trình lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng để đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu.

- Các bến bãi chính được quy hoạch cụ thể như sau:

- + Tại phường Linh Trung: phía Tây Khu chế xuất Linh Trung 2 (20 ha); vị trí tiếp giáp Quốc lộ 1 và nút giao thông cầu vượt Trạm 2 (8,07 ha); khu vực giáp ranh đường số 16, 17 và đường dọc Suối Cái (2,2 ha).

- + Tại phường Linh Xuân: vị trí tiếp giáp khu Đại học Quốc gia (10,38 ha); phía Bắc đường Hoàng Cầm (4,68 ha).

- + Tại phường Bình Chiểu: khu vực Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức (02 ha).

d) Giao thông đường thủy:

- Phát triển luồng, tuyến đường thủy theo danh mục kèm theo Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Việc cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo theo nhu cầu phát triển của quốc gia, vùng và của địa phương. Phát triển các tuyến tàu du lịch, dân sinh phù hợp với quy định pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

- Khai thác hiệu quả các bến thủy nội địa, khuyến khích phát triển hệ thống giao thông thủy. Ngoài các bến thủy công cộng đã thể hiện tại quy hoạch phân khu, các bến thủy nội địa đề xuất mới sẽ được cơ quan có thẩm quyền thống nhất vị trí, quy mô và cấp phép hoạt động khi đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật chuyên ngành.

đ) Giao thông đường sắt, giao thông công cộng:

- Đường sắt Quốc gia: nâng cấp cải tạo hệ thống đường sắt liên vùng gồm các tuyến đường sắt hành khách và hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải giữa thành phố Thủ Đức với các khu vực khác theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Trong khu vực quy hoạch có tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh – Cần Thơ và tuyến Trảng Bom – Hòa Hưng.

- Đường sắt đô thị: tuyến MRT 1 (Bến Thành – Suối Tiên), Tuyến MRT/LRT 3, 6, 10.

- Xe buýt: quy hoạch các tuyến buýt trục có tần suất cao, đóng vai trò gom và giải tỏa hành khách, kết nối hiệu quả các khu dân cư với các nhà ga metro và trung tâm của TP. Thủ Đức.

e) Công trình giao thông, hạ tầng phụ trợ:

- Cập nhật quy mô các dự án hạ tầng giao thông đang triển khai thực hiện (đường Vành đai 2, nút giao Vành đai 2 – Phạm Văn Đồng, Vành đai 2 – Võ Nguyên Giáp...).

- Xây dựng các nút giao thông khác mức tại các giao lộ dự báo có mật độ lưu thông cao, phân luồng phức tạp; điều chỉnh các nút giao thông hiện hữu theo hướng tạo thuận lợi cho người sử dụng, nâng cao hiệu quả của nút.

- Xây dựng mới hệ thống cầu vượt, cầu qua sông tại các trục đường chính đảm bảo tính không kết nối hợp lý.

- Xây dựng hệ thống hầm hoặc cầu vượt dành cho người đi bộ trên các tuyến giao thông có lưu lượng lớn, đảm bảo khả năng kết nối với các không gian xây dựng ngầm đã có hoặc dự kiến trong tương lai (ví dụ: tầng ngầm các khu thương mại, dịch vụ, bãi đỗ xe ngầm...).

- Nhà ga: phát triển theo hướng tích hợp đa chức năng, có thể xây dựng nhà ga nhiều tầng kết hợp với dịch vụ thương mại và tiện ích (mô hình TOD) để tối đa hóa hiệu quả sử dụng đất.

- Bến xe buýt: tích hợp trong các công trình đầu mối như depot, bến xe liên tỉnh và các trung tâm phát triển theo mô hình TOD.

8.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

- Cao độ chống ngập đối với hành lang chống ngập và khu vực nằm ngoài hành lang chống ngập được quy định tối thiểu là $\geq +2,7\text{m}$ và cao độ xây dựng tối thiểu đối với các khu vực bên trong hành lang chống ngập là $\geq +2,0\text{m}$.

- Đối với khu vực đô thị hiện hữu nằm trong hệ thống hành lang chống ngập có cao độ nền thấp, chỉ tiến hành cải tạo nâng cao độ nền từ 30 đến 40 cm so với cao độ nền hiện trạng, đồng thời dần nâng cao để đạt cao độ xây dựng tối thiểu $H_{xd} \geq +2,0\text{m}$. Việc nâng cao độ nền phải đảm bảo phù hợp với cảnh quan khu vực và đáp ứng yêu cầu thoát nước cho các khu vực lân cận.

- Cao độ nền thiết kế cho các khu vực phát triển mới cần được kết nối và hài hòa với cao độ nền của khu vực dân cư hiện trạng, đồng thời phù hợp với đặc thù từng khu vực nhằm đảm bảo khả năng thoát nước mưa tự chảy hiệu quả nhất.

- Đối với các khu vực nằm ngoài hệ thống hành lang chống ngập, cao độ xây dựng được lấy bằng cao độ chống ngập quy định.

b) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đến đường phân khu vực.

- Đối với khu vực đô thị hiện hữu và các khu vực phát triển mới xen kẽ, áp dụng hệ thống thoát nước hỗn hợp. Đồng thời, sử dụng hệ thống cống bao giằng tách và trạm bơm nước thải để tách riêng nước thải, đảm bảo thu gom và chuyển nước thải đến các trạm xử lý nước thải tập trung theo quy định.

- Đối với các khu vực phát triển mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng biệt hoàn toàn và nước mưa được thoát ra sông rạch hiện hữu hoặc hồ điều tiết nước trong khu vực. Tại các cửa ra của rạch, cần bố trí hệ thống cống ngăn triều có khả năng điều tiết đóng mở ở cao độ $-0,5\text{m}$ nhằm tạo dung tích chứa nước phù hợp và kiểm soát triều cường hiệu quả.

- Tất cả các dự án xây dựng mới (công trình hoặc tổ hợp công trình) phải đầu tư xây dựng hồ hoặc bể chứa điều tiết nước mưa (trừ nhà ở riêng lẻ thấp tầng).

c) Các công tác chuẩn bị kỹ thuật khác:

- Thiết kế hệ thống kè bảo vệ tại các khu vực có nguy cơ xói lở dọc sông, kênh rạch cần tập trung vào các giải pháp kè sinh thái, nhằm hỗ trợ quản lý nước bền vững. Đồng thời, kết hợp với việc xây dựng các công viên, vườn hoa, đường đi xe đạp và đường dạo, sử dụng đa chức năng làm hành lang bảo vệ dọc đường sông, đảm bảo phù hợp với từng cấp đường thủy theo quy định hiện hành.

- Thực hiện xây dựng móng kiên cố tại các khu vực đất yếu, đặc biệt ở vùng trũng ven sông, nhằm đảm bảo ổn định kết cấu công trình và an toàn trong quá trình sử dụng.

8.3. Quy hoạch cấp nước:

a) Cấp nước sinh hoạt:

- Nguồn nước: các công trình đầu mối cấp nước cho khu vực nghiên cứu bao gồm: nhà máy nước Bình An; cụm nhà máy nước Thủ Đức; nhà máy nước Đông thành phố dự kiến tại phường Long Bình.

- Mạng lưới đường ống được thiết kế đến đường phân khu vực; tính toán đồng bộ và thống nhất cho toàn bộ hệ thống cấp nước của thành phố theo định hướng quy hoạch chung trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa mạng lưới đường ống cấp nước hiện có và mạng lưới đường ống cấp nước xây mới phù hợp với nhu cầu cấp nước. Trong quy hoạch này định hướng bổ sung thêm mạng lưới phân phối để cấp đến từng khu vực.

- Mạng lưới đường ống được phân thành các loại: tuyến ống chuyển tải, các tuyến ống chính, ống nhánh, ống phân phối và ống dịch vụ. Mạng lưới truyền tải tuân thủ định hướng đường ống của quy hoạch chung được duyệt gồm các tuyến có kích thước từ D300-D2400mm. Bổ sung hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước của khu vực kích thước D100-D250mm được thiết kế theo nguyên tắc mạng vòng kết hợp mạng ống nhánh dịch vụ. Các ô mạng lưới có cấu tạo độc lập với nhau, mỗi ô gồm: đường ống phân phối, ống dịch vụ.

b) Cấp nước phòng cháy chữa cháy:

- Lưu lượng cho khu vực đô thị: dân số khu vực nghiên cứu là khoảng 440.000 người, số đám cháy đồng thời là 3 đám cháy, lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà cho 1 đám cháy là 80l/s (xây nhà từ 3 tầng trở lên không phụ thuộc bậc chịu lửa) và thời gian chữa cháy là 3 giờ.

- Định hướng đường ống cấp nước cho phòng cháy chữa cháy và cấp nước sinh hoạt đi chung.

- Đường ống cấp nước quy hoạch mạch vòng, trên đường ống có bố trí hệ thống van khóa ở nút phục vụ công tác quản lý vận hành và sửa chữa không ảnh hưởng đến cấp nước ở các tuyến ống khác.

- Đường ống cấp nước phòng cháy chữa cháy sử dụng ống HPDE D100-D300 để dẫn nước từ bể đến các trụ cứu hỏa.

- Trên mạng lưới đường ống cấp nước bố trí các hống lấy nước chữa cháy (trụ nổi hoặc hống ngầm dưới mặt đất) đảm bảo các quy định về khoảng cách tối đa giữa các hống là 150m. Khoảng cách tối thiểu giữa hống và tường các công trình là 5m. Hống cứu hỏa bố trí trên vỉa hè đảm bảo khoảng cách tối đa giữa hống và mép đường là 2,5m.

8.4. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

- Công trình đầu mối: toàn bộ nước thải của khu vực được thu gom và đưa về các trạm xử lý nước thải được xây mới. Chia khu vực quy hoạch làm 03 lưu vực thu gom và xử lý nước thải, bao gồm:

- + Lưu vực 1 – khu vực phía Đông: nước thải được thu gom và đưa về trạm xử lý nước thải Suối Nhum, công suất đến năm 2040 khoảng 65.000 m³/ngày. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn xả ra rạch Suối Cái.

- + Lưu vực 2 – khu vực phía Tây Bắc: nước thải được thu gom và đưa về trạm xử lý nước thải khu công nghiệp Bình Chiểu, công suất 3.600 m³/ngày. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn xả ra kênh Ba Bò.

- + Lưu vực 3 – khu vực trung tâm và phía Nam: nước thải được thu gom mà đưa về nhà máy xử lý nước thải Bắc Sài Gòn I, công suất đến năm 2040 khoảng 140.000 m³/ngày. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn xả ra rạch Gò Dưa.

- Hệ thống thu gom: quy hoạch hệ thống thu gom đến đường phân khu vực. Xây dựng hai hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải riêng đối với các khu vực xây dựng mới và hệ thống thu gom nửa riêng đối với các khu vực hiện trạng đã có hệ thống thoát nước chung. Toàn bộ nước thải tập trung về các tuyến ống chính và các tuyến cống bao đưa về các trạm xử lý nước thải tập trung. Hệ thống đường ống thu gom chính tuân thủ định hướng quy hoạch D300-D800mm. Quy hoạch bổ sung hệ thống cống thu gom có kích thước D300÷D400mm để thu gom nước thải từ các khu vực dân cư và đầu nổi vào các tuyến cống chính theo quy hoạch chung.

b) Quản lý chất thải rắn:

- 100% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý tập trung, thực hiện phân loại tại nguồn.

- Chất thải rắn y tế: chất thải rắn y tế được thực hiện thu gom theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý là 100%.

c) Nghĩa trang:

- Phân đầu đưa tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt: 80%.
- Sử dụng các nghĩa trang của Thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực lân cận.

8.5. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị:

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: ≥ 2100 KWh/người.năm.
- Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng, dịch vụ: $\geq 40\%$ phụ tải điện sinh hoạt.
- Nguồn điện được cấp từ các trạm: 220/110/15-22kV Thủ Đức, 110/15-22kV Thủ Đức Bắc, 110/15-22kV Linh Trung 1, 110/15-22kV Linh Trung 2, 110/15-22kV Nhà máy nước Thủ Đức, 110/22kV Metro Bình Thái (trạm chuyên dùng cấp điện cho tuyến metro số 1) hiện hữu, dài hạn sẽ được bổ sung thêm từ các trạm 110/22kV Linh Đông, 110/22kV Tam Bình, 110/22kV Phước Long 2 và trạm 110/22kV Điện rác Linh Xuân (theo định hướng Quy hoạch chung thành phố Thủ Đức được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

- Cải tạo các trạm biến áp 15-22/0,4kV hiện hữu, tháo gỡ các trạm ngoài trời, có công suất thấp, vị trí không phù hợp với quy hoạch.

- Từng bước cải tạo, chỉnh trang, thay thế các tuyến trung, hạ thế nổi hiện hữu bằng cáp ngầm.

- Xây dựng mới các trạm biến áp 22/0,4kV, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng thích hợp, loại trạm phòng, trạm cột...

- Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, định hướng xây dựng ngầm.

- Hệ thống chiếu sáng dùng đèn Led đảm bảo tiết kiệm, sử dụng năng lượng hiệu quả.

8.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động:

- Nhu cầu điện thoại cố định: 30 thuê bao/100 người.

- Đầu tư xây dựng mới kết hợp cải tạo hạ tầng viễn thông hiện trạng tạo thành hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông thành phố.

- Định hướng đầu nối từ buroc hiện hữu xây dựng các tuyến cáp chính đi dọc các trục đường giao thông đến các tủ cáp chính của khu quy hoạch.

- Mạng lưới thông tin liên lạc được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và đáp ứng nhu cầu thông tin thông suốt trong khu quy hoạch.

- Hệ thống các tủ cáp xây dựng mới được lắp đặt tại các vị trí thuận tiện, đảm bảo mỹ quan và dễ dàng trong công tác vận hành, sửa chữa.

- Đối với khu vực xây dựng mới: thiết kế hệ thống cống bể thông tin chờ, kết nối với hệ thống cống bể thông tin của khu vực, phục vụ cho các tuyến cáp thông tin, viễn thông, truyền hình cáp khi có nhu cầu.

8.7. Bảo vệ môi trường:

- Khu vực đất ở, cơ quan, trường học, các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, không gian công cộng: xây dựng hệ thống thu gom, xử lý ô nhiễm; bảo vệ môi trường, cảnh quan, văn hóa, quốc phòng an ninh.

- Khu vực phát triển dịch vụ, du lịch: phát triển du lịch, dịch vụ gắn với bảo vệ môi trường, tôn tạo cảnh quan sinh thái, phòng chống sạt lở, tai biến thiên nhiên, sự cố môi trường; thực hiện thu gom, xử lý triệt để nước thải, chất thải rắn phát sinh.

- Khu vực di tích, tôn giáo, an ninh, quốc phòng, hạ tầng kỹ thuật: tuân thủ các quy định chuyên ngành. Các hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích cần được cân nhắc, kiểm soát, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến không gian, cảnh quan, giá trị văn hóa, lịch sử của công trình...

- Khu vực cây xanh, mặt nước công cộng: chú trọng bảo vệ và nâng cao giá trị cảnh quan, môi trường, điều hòa vi khí hậu, đáp ứng các nhu cầu giải trí, sinh hoạt cộng đồng; áp dụng giải pháp chăm sóc, lựa chọn cây trồng phù hợp; kiểm soát chặt chẽ hoạt động xả thải, bảo vệ môi trường cảnh quan, mặt nước.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng, thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn.

8.8. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:

Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định).

9. Các dự án ưu tiên đầu tư:

Bố trí, huy động nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, bao gồm: các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật và giao thông công cộng; dự án xây dựng, phát triển các khu vực trọng điểm tại Khu vực đô thị thương mại, văn hóa, sáng tạo; các khu hỗn hợp với chức năng nghiên cứu, đào tạo, văn phòng, thương mại dịch vụ, nhà ở...; dự án xây dựng hệ thống công viên công cộng, công viên chuyên đề; dự án cải tạo chỉnh trang, tái phát triển các khu dân cư hiện hữu; dự án phát triển hạ tầng xã hội, đặc biệt là dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, văn hoá, thể dục thể thao, nhà ở xã hội.

10. Các lưu ý:

- Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, chiều cao công trình đối với từng ô phố được quy định tại Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu.

- Các khu vực có công trình điểm nhấn được xác định trong bản vẽ thiết kế đô thị và quy định quản lý. - Khoảng lùi công trình đối với các trục đường

được quy định tại Bản vẽ Thiết kế đô thị, Thuyết minh, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu và tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Trong quá trình tổ chức triển khai các công trình, dự án đầu tư xây dựng tại các khu vực có sông, rạch, hồ công cộng trong khu vực quy hoạch; các đơn vị liên quan cần quản lý chặt chẽ việc tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch theo quy định pháp luật hiện hành.

- Nguyên tắc thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan trong công tác tổ chức lập, cho ý kiến, thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000: cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính chỉ chịu trách nhiệm về những nội dung cho ý kiến, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết thủ tục khác có liên quan đến lĩnh vực xây dựng theo quy định của pháp luật; không chịu trách nhiệm về những nội dung đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó.

- Đối với các dự án đã phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc đã triển khai không phù hợp với quy hoạch phân khu/quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 đã phê duyệt trước đây, cần xác định cụ thể các vấn đề, nguyên nhân và xử lý theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm không hợp thức hóa các dự án sai phạm. Các công trình, dự án đang trong quá trình rà soát, xử lý theo các kết luận, đề nghị của thanh tra, điều tra, kiểm toán hoặc bản án của Tòa án (nếu có) sẽ được nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch phân khu, lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, thực hiện các thủ tục về dự án đầu tư, cấp phép xây dựng sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của các kết luận, bản án nêu trên và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định đính kèm danh mục hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch:

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất.

+ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và kiến trúc, cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000.

+ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật theo từng chuyên ngành, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/2000.

- + Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm.
- + Các bản vẽ Thiết kế đô thị.
- Thuyết minh có đính kèm các bản vẽ khổ A3. Các Phụ lục kèm Thuyết minh và Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu có đính kèm các bản vẽ khổ A3.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Thủ Đức, đơn vị tư vấn lập quy hoạch – Viện Kiến trúc Quốc gia chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu, cơ sở dữ liệu (số liệu, bản đồ) của các ngành, lĩnh vực để nghiên cứu, lập đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 3; tính chính xác của số liệu, tài liệu, cơ sở dữ liệu tại hồ sơ quy hoạch và sự phù hợp với các dự án hạ tầng kỹ thuật khung đang được triển khai trên địa bàn; sự thống nhất của toàn bộ đồ án quy hoạch tại thuyết minh, quy định quản lý và hệ thống bản đồ; căn cứ, cơ sở dự báo quy mô dân số, sử dụng đất quy hoạch bảo đảm phù hợp với các định hướng liên quan; không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Viện Kiến trúc Quốc gia chịu trách nhiệm tuân thủ nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Thông báo số 538/TB-VP ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Bùi Xuân Cường tại cuộc họp nghe báo cáo về tiến độ thực hiện 09 hồ sơ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

- Phòng Quy hoạch - Đất đai chủ trì, phối hợp với các đơn vị, cơ quan có liên quan tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 3, thành phố Thủ Đức.

- Các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật tổ chức cấm mốc giới; tổ chức lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc; rà soát các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung trong đô thị; tuân thủ quy chuẩn về quy hoạch xây dựng, quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm thống nhất và phù hợp với đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt.

- Nguồn lực thực hiện Quy hoạch: từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật. Xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư, tài chính, đất đai để thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư.

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, đề nghị các Sở ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân phường liên quan tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch phân khu này theo chức năng nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.

- Việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Nội dung đồ án quy hoạch phân khu cụ thể hóa đồ án quy hoạch chung thành phố Thủ Đức, thuộc thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060. Đồ án này thay thế các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (và điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu), quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chi tiết sử dụng đất tỷ lệ 1/2000 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt trước đây trong phạm vi khu vực quy hoạch (Danh sách tại Phụ lục 4 của Quy định quản lý kèm theo Quyết định này).

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Trưởng phòng Quy hoạch - Đất đai, Trưởng phòng Giao thông công chánh, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng phòng Tài chính, Chánh Thanh tra xây dựng thành phố Thủ Đức, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu xây dựng khu vực thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường Linh Tây, Linh Chiểu, Bình Thọ, Linh Trung, Bình Chiểu, Linh Xuân, Tam Bình, Tam Phú, Linh Đông, Trường Thọ, Hiệp Bình Phước và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND TP. HCM (để báo cáo);
- TT. Thành ủy Thủ Đức (để báo cáo);
- Công an TP.HCM, Bộ Tư lệnh TP.HCM;
- Sở XD, Sở NN&MT, Sở Tài chính;
- Sở GD&ĐT; Sở Công thương, Sở KH&CN;
- Sở VH&TT; Sở Y tế, Sở DT&TG;
- Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp;
- Ban Quản lý Đường sắt và đô thị;
- TT. HĐND TP. Thủ Đức;
- TT. UBND TP. Thủ Đức;
- Lưu: VT, QHĐĐ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Tùng